



MỘT CỐ GẮNG DIỄN GIẢI SÂU HƠN BÀI HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ TRONG NGỮ VĂN 10

Lê Thời Tân*

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-10-2016; ngày phân biên đánh giá: 22-01-2017; ngày chấp nhận đăng: 15-4-2017

TÓM TẮT

Bài viết là một sự diễn giải cụ thể đối với bài học “Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ” (Sách giáo khoa Ngữ văn 10). Việc diễn giải này được thực hiện trên cơ sở giả định bản thân người viết đang phải soạn bài và có thể vấp phải các câu hỏi như thế nào từ phía người học. Giả định đó chắc chắn sẽ giúp ích cho việc hiểu sâu hơn bài học này để từ đó tiến hành việc dạy học tốt hơn.

Từ khóa: diễn giải, dạy học, hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, Ngữ văn 10.

ABSTRACT

An Attempt of More Specific Explanation for the Lesson "Communication by Language" in Grade 10 Language Arts and Literature Textbook

The paper is a detailed illustration of the lesson “Communication by Language” (Grade 10 Language Arts and Literature Textbook). This explanation was conducted based on the assumption that the writer had to prepare the lesson and might get certain questions from learners. That assumption certainly will facilitate a more understanding of the lesson, making the teaching and learning activity more effective.

Keywords: explanation, teaching and learning, communication by language, Grade 10 Language arts and Literature textbook.

HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ trong Ngữ văn 10 [1] là một bài rất khó. Cách trình bày của bài học này chủ yếu theo lối nêu dẫn liệu kèm hệ thống câu hỏi gợi ý tiếp cận dẫn liệu nhằm tới một định hướng và minh họa tổng kết vấn đề lí luận nhất định. Bài viết gọi là “cố gắng diễn giải sâu hơn” đối bài học này trên thực tế cũng là một cố gắng đối thoại cùng tác giả biên soạn về bản thân cách nêu và dẫn giải vấn đề “hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ” trong khuôn khổ một bài học của chương trình dạy học Ngữ văn lớp 10.

1. Về cách dẫn dụng dẫn liệu 1 của bài

Dẫn liệu 1 của bài là một đoạn trích truyện ngắn, được dẫn vào với yêu cầu như sau:¹

* Email: lethoitantnu@gmail.com

¹ Các đoạn trích dẫn bài học SGK đều được đặt trong khung để phân biệt với lời văn của bài viết này. Tác giả bài viết cũng biểu thị dụng ý nhấn mạnh bằng cách gạch chân bên dưới các câu chữ trong trích dẫn.

1. Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi.

Vua nhà Trần trình trọng hỏi các bô lão:

- Nước Đại Việt ta tuy là một nước nhỏ ở phương Nam nhưng luôn bị nước ngoài nhòm ngó. Tự cổ xưa đến giờ thật chưa có khi nào giặc mạnh và hung hãn như ngày nay. Chúng sẽ kéo sang năm mươi vạn quân, bảo rằng: “Vó ngựa Mông Cổ đi đến đâu cỏ không mọc được ở chỗ ấy!”. Vậy nên liệu tính sao đây?

Mọi người xôn xao tranh nhau nói:

- Xin bệ hạ cho đánh!

- Thưa chỉ có đánh!

Nhà vua nhìn những khuôn mặt đẹp lồng lộng, hỏi lại một lần nữa:

- Nên hòa hay nên đánh?

Tức thì muôn miệng một lời:

- Đánh! Đánh!

Điện Diên Hồng như rung chuyển. Người người sục sôi.

(Theo Lê Vân, *Hội nghị Diên Hồng*)

Trước hết ta hãy cố gắng nhận diện “văn bản sau” ở đây là *văn bản* nào. Có vẻ như “văn bản sau” này chú ý chỉ phần chữ in nghiêng trên nền màu sẫm – một trích đoạn từ một “văn bản” lớn có nhan đề *Hội nghị Diên Hồng* của tác giả Lê Vân (thông tin nguồn dẫn này không bao gồm chi tiết xuất bản, nên ta sẽ không biết văn bản *Hội nghị Diên Hồng* của tác giả Lê Vân là từ đâu)². Như ta thấy, phần lời đề trong ngoặc đơn thuyết minh xuất xứ nguồn trích dẫn này được SGK in ngay bên trong khung có nền màu sẫm này. Nhìn từ một góc độ nhất định, có thể nói dòng này là một thành tố thuộc về cái mà nhà biên soạn (NBS) gọi là “văn bản sau”. Vậy mà dù sao đi nữa ta cũng phải thấy đó là một thành tố “dị chất” với phần in nghiêng cỡ chữ to hơn ở trên nó. Dòng trong ngoặc đơn này là lời của NBS – chủ thể đã thực hiện việc trích đoạn thiên truyện *Hội nghị Diên Hồng* của tác giả Lê Vân. Điều quan trọng cần nói ở đây là, bất luận như thế nào đi nữa cái gọi là “văn bản” trong cụm từ “*Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi*” dẫn trên chỉ là cái “văn bản” được tạo ra do hành động dẫn-trích vào bài học của SGK³. Nói rõ ra, cái gọi “văn bản sau” này chính là

² Vấn đề có thể được đặt ra ở đây là – vậy có cần xem phần lời đề trong ngoặc đơn in với cỡ chữ nhỏ hơn ở góc bên phải dưới cùng phần khung nền màu sẫm cũng là một phần cấu thành của cái gọi là “văn bản sau” này hay không? Nếu đưa phần lời đề trong ngoặc đơn in với cỡ chữ nhỏ đó ra khỏi khung nền màu sẫm thì có hợp lý hơn không? Thử so sánh với trường hợp dẫn liệu 5 (phần II-LUYỆN TẬP). Ta thấy đều cùng một cách dẫn “văn bản” nhưng đến lượt *Thư gửi học sinh cả nước nhân ngày khai giảng năm học đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* thì dòng thuyết minh xuất xứ nguồn trích dẫn lại được đặt ra ngoài khung nền mà sẫm “chứa” bức thư - “Theo văn bản trong *Tiếng Việt 5*, tập một, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006” (cách thuyết minh xuất xứ cũng khác với cách viết đơn giản Theo Lê Vân, *Hội nghị Diên Hồng* vừa dẫn).

³ Có thể nói trên thực tế - “dẫn vào bài học” tức cũng là một cách “tạo lập” nên cái văn bản gọi là các bài học của SGK. Nhân tiện cũng nên thấy một trong những điểm nổi bật của việc đổi mới Chương trình Ngữ văn bậc trung học là đã phổ biến khái niệm *văn bản* (đọc hiểu và tạo lập văn bản). Để thấy là SGK đã phổ cập cách dùng từ “văn bản” để gọi đồng loạt tất thảy

kết quả trích dẫn của NBS (xin để ý chữ “*Theo*” ở dòng trong ngoặc đơn để dưới cùng bên phải khung dẫn đoạn trích – “*Theo Lê Văn, Hội nghị Diên Hồng*”.⁴ Phân tích xoay quanh việc dùng từ “*văn bản*” như nói trên sẽ tạo điều kiện tìm hiểu cách biểu đạt các yêu cầu a) b) c) d) e) tiếp theo.

- a) Hoạt động giao tiếp được *văn bản* trên ghi lại diễn ra giữa các nhân vật giao tiếp nào? Hai bên có cương vị và quan hệ với nhau như thế nào?
- b) Trong hoạt động giao tiếp trên, các nhân vật giao tiếp lần lượt đổ vai (vai người nói, vai người nghe) cho nhau như thế nào? Người nói tiến hành những hành động cụ thể nào, còn người nghe thực hiện những hành động tương ứng nào?
- c) Hoạt động giao tiếp trên diễn ra trong hoàn cảnh nào ? (Ở đâu? Vào lúc nào? Khi đó ở nước ta có sự kiện lịch sử gì?)
- d) Hoạt động giao tiếp trên hướng vào nội dung gì?
- e) Mục đích của cuộc giao tiếp (hội nghị) là gì? Cuộc giao tiếp có đạt được mục đích đó không?

Ta hãy xem xét cách nói “(*Hoạt động giao tiếp*) *được văn bản trên ghi lại*” ở câu hỏi a). Rõ ràng là “*văn bản trên*” không phải là thực sự “ghi lại” cái gọi là hoạt động giao tiếp nào đó (thực ra thì nó làm sao mà “ghi lại” được cuộc “trung cầu dân ý” bảy trăm năm trước⁵). Dĩ nhiên chúng ta biết *ghi lại* ở đây cũng chỉ là một cách tạm dùng từ⁶. Dù vậy, NBS hoàn toàn có thể khiến cho tình thế biểu đạt ở đây trở nên uyển chuyển hơn nếu như dùng nó với dấu *nháy nháy* (“ghi lại”)⁷. Tất nhiên, một khi đã chọn cách dẫn sẵn một trích đoạn và gọi một cách giản tiện thành “*văn bản*” thì NBS rút cuộc đành phải dùng cách biểu đạt cho rằng có diễn ra một hoạt động giao tiếp (ngôn ngữ) và hoạt động đó đã được một văn bản *ghi lại*. Nhưng hoạt động giao tiếp (ngôn ngữ) thuật kể lại thành văn bản tự sự hay đoạn kịch bản là khác với việc ghi

các ngôn bản được dẫn vào làm nguồn văn liệu đọc hiểu. Và trong những trường hợp nhất định không khó thấy SGK đã quá cố ý lệ thuộc vào cách gọi “*văn bản*”, nhiều chỗ gây rối lẫn giữa “*văn bản*”, “trích đoạn/đoạn trích”, “tác phẩm (văn học)”, “bài/thiên...”, “bản...”, “bài viết”, “bài văn”, “bài (tập) làm văn”...

⁴ Tất cả các tác phẩm văn học (toàn văn hay trích đoạn) đem vào SGK ở kiểu bài đọc hiểu đều trở thành *văn bản* giữa SGK *Ngữ văn* theo kiểu như thế. Nếu đồng ý với cách nhìn nhận này, đã đến lúc chúng ta cũng nên phân biệt “đọc-hiểu văn bản” (tác phẩm dẫn vào SGK) với đọc hiểu bản văn-tài liệu bản in nói chung. Chúng tôi tán đồng cách nói “Đọc-hiểu văn bản” của SGK nhưng cũng cảm thấy việc sử dụng nhất loạt và thường xuyên từ “*văn bản*” trong rất nhiều tình huống của SGK không phải khi nào cũng là thích đáng. Tất cả các trường hợp như trước lúc dẫn trích đoạn có phần tóm tắt mào đầu hay dẫn nguyên cả một thiên truyện nhưng chỉ muốn tập trung dạy-học một đoạn (in với cỡ chữ phân biệt hai phần trên và dưới của văn bản tác phẩm) hay chêm đặt các phần (Lược...) hay [...] theo chúng tôi đều là đang tạo “đường viền văn bản” biểu hiện của công việc “*văn bản hóa*” của người biên soạn SGK.

⁵ Một cuộc “trung cầu dân ý” được truyền tụng nhờ sử kí và đã đi vào vốn thoại ngữ tiếng Việt hiện đại với cách gọi “Hội nghị Diên Hồng”. *Đại Việt Sử kí toàn thư (Bản kỉ - quyển 5)* được xem là “*văn bản*” quan trọng nhất kí tải chuyện “giao tiếp” giữa Thượng hoàng Trần Nhân Tông và các bộ lão. Còn như cách dùng cụm từ “Hội nghị Diên Hồng” phổ biến trong vốn thoại ngữ hiện nay chắc phải là chuyện của thế kỉ XX.

⁶ Nó cũng tự như cách dùng “*nói về*” trong c) Nhân vật “*anh*” nói về điều gì?

⁷ Ngược lại ở dẫn liệu 3 phần II-LUYỆN TẬP dẫn bài thơ của Hồ Xuân Hương ta thấy có cách dùng từ với dấu “*’*” ở câu hỏi a) - *Khi làm bài thơ này, Hồ Xuân Hương đã “giao tiếp” với người đọc về vấn đề gì?* Thực ra, nếu đặt rõ vấn đề sáng tác văn chương như là một loại dụng ngữ đặc biệt, nêu rõ vấn đề tiếp nhận văn học để từ đó tìm cách quy nạp vào trong hệ thống gọi là HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ thì chắc ở đây NBS đã không phải đặt từ *giao tiếp* này vào trong dấu “*’*”.

chép một cuộc giao tiếp khẩu ngữ thành văn bản (dẫn liệu “đoạn đối thoại” giữa em nhỏ A Cồ và ông già dùng ở phần II – LUYỆN TẬP cũng nên được nhìn nhận với một ý thức tương tự)⁸. Thế nên, dễ hiểu là vì sao mà với dẫn liệu 1 này NBS đã không đặt câu hỏi gợi ý tìm hiểu bản thân “văn bản” (tương tự như câu hỏi dùng cho dẫn liệu 2 - e) *Phương tiện ngôn ngữ và cách tổ chức văn bản có đặc điểm gì nổi bật?*⁹.

Nửa sau câu hỏi a) đề cập vấn đề “nhân vật giao tiếp”. Lẽ dĩ nhiên là *Vua nhà Trần* và *các bô lão* (khá đông – xin đọc tả thuật sau đó “*Mọi người xôn xao...*” “*muôn miệng...*” “*Người người sục sôi*”) không nghĩ mình là “nhân-vật-giao-tiếp” và cũng chẳng nghĩ là bản thân đang tiến-hành một hoạt động gọi là “hoạt-động-giao-tiếp-bằng-ngôn-ngữ”. Có thể thông tin trần thuật cung cấp ngay từ câu “*Vua nhà Trần trịnh trọng tuyên bố*” (sẽ được xem là câu đầu tiên của “văn bản” được tạo ra do hành vi dẫn-trích vào bài học của SGK nhưng không rõ là câu thứ mấy trong văn bản nguồn) của đoạn trích đã giúp học sinh trả lời được ngay câu hỏi *Hai bên có cương vị và quan hệ với nhau như thế nào?* Với câu hỏi này, có vẻ như NBS chủ ý muốn chỉ tới “cương vị” và “quan hệ” nhà vua-thần dân của hai bên giao tiếp? Nhưng suy cho cùng câu hỏi (cùng đáp án) này có tác dụng cụ thể gì đối với việc dắt dẫn lí thuyết - xem xét *cương vị* và *quan hệ* đó chi phối cụ thể như thế nào đến hoạt động giao tiếp xét như quá trình và mặt khác được phản ánh ra sao vào bản thân sản phẩm “văn bản” của quá trình đó?

Bây giờ xin đọc tiếp câu hỏi b) “*Trong hoạt động giao tiếp trên, các nhân vật giao tiếp lần lượt đổi vai (vai người nói, vai người nghe) cho nhau như thế nào? Người nói tiến hành những hành động cụ thể nào, còn người nghe thực hiện những hành động tương ứng nào?*”.

Trần thuật của dẫn liệu cho thấy các bô lão dường như đã sớm được “bình thân-miền lễ” nên mới cứ thế “*tranh nhau nói*”. Xem ra, đã là “*tranh nhau nói*” và “*muôn miệng một lời*” thì cũng chẳng phải là thích hợp cho lắm với việc đặt vấn đề “*lần lượt đổi vai (vai người nói, vai người nghe) cho nhau như thế nào*”. Và chẳng *cuộc giao tiếp* này thực ra bắt đầu từ đâu và rồi rốt cuộc các nhân vật giao tiếp đã “*lần lượt đổi vai nghe-nói cho nhau*” đến quãng nào?¹⁰ Câu hỏi nghe rất vẻ nhiều khê nhưng không thể không thấy nó vẫn dính

⁸ Các tác phẩm văn chương nhất là văn chương tự sự cũng là những dụng ngữ đặc biệt. Chúng “mô phỏng” đời sống nói năng theo nhưng phương thức nhất định. Lẽ dĩ nhiên ta cũng có thể xem chúng là hoạt động giao tiếp bằng ngôn từ của con người (có điều gì liên quan đến ngôn ngữ mà lại không phải là giao tiếp!). Hoạt động đó sử dụng ngôn từ như là chất liệu phân biệt với giao tiếp lời nói sinh hoạt tự nhiên. “Hội nghị Diên Hồng”, “Hỏi chuyện đan sạng đêm trăng” và “Cuộc gặp mặt giữa A Cồ với ông già” mà bài học này dẫn dụng dường như là để diễn giải cho giao tiếp lời nói sinh hoạt nói chung. Tương lai ứng dụng mạnh mẽ multimedia soạn SGK điện tử rất có thể học sinh sẽ được học bài này với những clip ghi âm ghi hình “hoạt động giao tiếp ngôn ngữ” thực tế.

⁹ *Ghi lại một hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thành văn bản* ấy cũng một cách nói. Một cách nói rất dễ khiến ta phải lúng lúng khi muốn lấy ví dụ. Mặc dù vậy, ta vẫn có thể phân biệt được trong “văn bản” dẫn liệu 1 của bài học này hai loại phát ngôn thành phẩm: phát ngôn ngữ âm – nói của nhân vật và phát ngôn văn tự viết tường thuật của tác giả (các cụm từ này mượn dùng từ John Lyons, *Ngữ nghĩa học dân luận*) Quan sát “văn bản” ta cũng sẽ thấy thực tế “ghi lại” cũng phải theo những “quy ước” cụ thể - qua hàng với dấu gạch đầu dòng biểu thị lời thoại, dùng dấu “” biểu thị lời nói được dẫn nguyên..

¹⁰ Dễ dàng đồng ý rằng “hoạt động giao tiếp” hai lần hỏi đi đáp lại này chỉ là một phần của cả một cuộc (hoạt động) giao tiếp lớn “triệu phụ lão trong nước ban yến ở thêm điện Diên Hồng, hỏi kẻ sách...” (*Đại Việt Sử kí toàn thư, Bản kỉ - quyển 5*).

dáng theo một cách nào đó tới câu chuyện giới thiệu “*văn bản*” dẫn liệu vừa đề cập ở trên. Ít ra, ở đây ta cũng có quyền phân vân một chút về quyết định chọn định hai điểm đầu và cuối cho cái văn bản được cho là “ghi lại” vừa vận một cuộc giao tiếp (không xác định ranh giới “cuộc” giao tiếp thì làm sao mà nêu được vấn đề “*Mỗi hoạt động giao tiếp bao gồm hai quá trình...*” mà ta sẽ thấy ở khung GHI NHỚ cuối bài học). Đọc kỹ câu hỏi b này người dạy-người học không tránh được băn khoăn vì sao mà sự thể dụng ngữ sinh hoạt hỏi đáp tự nhiên rốt cuộc đã được “lí luận hóa một cách long trọng” đến thế? Thử đọc lại một lần nữa các cụm từ mà chúng tôi lưu ý bằng gạch chân trong câu hỏi này: *Người nói tiến hành những hành động cụ thể nào, còn người nghe thực hiện những hành động tương ứng nào?*

Đặt mình vào địa vị phải trả lời các câu hỏi ta thấy những câu hỏi như câu hỏi a hay câu hỏi e dù sao cũng còn có thể tìm đáp án từ bản thân văn bản dẫn liệu. Nhưng tới câu hỏi c thì riêng mỗi dẫn liệu là không đủ để trả lời. Nhưng suy cho cùng “khảo cứu” thời gian, địa điểm của cuộc gặp Diên Hồng đó phải chăng lại chỉ để thấy rằng một *hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ* nào đó là diễn ra trong một *hoàn cảnh* nhất định (cũng như việc hoạt động đó sẽ dĩ nhiên ra là do có sự tham gia của các *nhân vật giao tiếp* với những *ương vị* và *quan hệ* nhất định)? Thế nhưng câu hỏi c cũng chưa phải là câu hỏi khó nhất. Câu hỏi khó nhất là câu hỏi cuối cùng – e) *Mục đích của cuộc giao tiếp (hội nghị) là gì? Cuộc giao tiếp có đạt được mục đích đó không?*

Điều đầu tiên cần phải nói là, chỉ với riêng “*văn bản*” dẫn ra đó rất khó để gọi được thành “*hội nghị*”.¹¹ Trước mắt ta là *cuộc giao tiếp* hỏi chuyện trực tiếp: Vua gặp mặt hoặc nói hợp cách hơn là vua cho vời các bô lão diện kiến để hỏi ý kiến tập thể. Và một khi tự giới hạn trong khuôn khổ đoạn trích này, ta thấy mục đích *giao tiếp* xem ra khá hiển nhiên – gặp mặt hỏi ý kiến chung. Và kết quả như đã thấy - “*muôn miệng một lời Đánh! Đánh!*”. Nhưng giả sử các bô lão trả lời nên hòa thì liệu có phải là *cuộc giao tiếp* đã không đạt được mục đích? Và “*biện bác*” có thể có sau đây có khiến ta phải xem lại tình thế cụ thể của việc đề xuất câu hỏi kiểu trên hay không? Xin nhắc lại đây chỉ là một “*biện bác*” giả định - Vua nhà Trần thực bụng nao núng và mục đích của ngài là xem lòng dân có như ý ngài toan định... Còn như các bô lão thì phút chốc được diện kiến mặt rồng, tham vấn chuyện quốc gia đại sự nên phấn chấn tới độ hô đánh tràn! Gặp trường hợp học sinh nêu ý kiến như thế thì thầy cô diễn giải thế nào câu hỏi “*Mục đích của cuộc giao tiếp (hội nghị) là gì? Cuộc giao tiếp có đạt được mục đích đó không?*”? Có lẽ cũng không ngại đọc lời bàn của một trong những đồng tác giả *Đại Việt Sử ký toàn thư* để thấy thêm tính chất “*quá tầm*” của câu hỏi dẫn giải nhân tố “*mục đích giao tiếp*” sau đoạn dẫn liệu nói trên của SGK:

¹¹ Ta sẽ đọc thấy từ “*hội nghị*” này trong “*tên văn bản*” nguồn của đoạn trích (Theo Lê Văn, *Hội nghị Diên Hồng*). Rất có thể NBS là người biết rõ hơn cả (ít ra là so với giáo viên và người học – sẽ là hai nhân tố tham gia cuộc giao tiếp “*tiết dạy-học*” bài HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ này) thiên truyện gọi là *Hội nghị Diên Hồng* – xuất xứ của đoạn trích dẫn vào làm ngữ liệu cho bài học.

“Sử thần Ngô Sĩ Liên có lời bàn như sau: *Giặc Hồ vào cướp là nạn lớn của đất nước. Hai vua hiệp mưu, bày tôi họp bàn, há lại không có kế sách gì chống giặc mà phải đợi ban yến rồi hỏi kế sách ở các bô lão hay sao? Ấy bởi Thánh Tông muốn làm thế để xét lòng thành ủng hộ của dân và cũng để dân nghe lời du hời mà cảm kích rồi hăng hái lên thôi. Đó là giữ được cái nghĩa của cổ nhân, kính dưỡng người già để xin lời hay vậy*” (*Đại Việt Sử kí toàn thư, Bản kỉ, quyển 5, tờ 44 b*).¹²

2. Về cách dẫn dụng dẫn liệu 2 của bài học

Rõ ràng với hai dẫn liệu 1 và 2 là chưa đủ để “khái quát” sơ lược các hình thức giao tiếp ngôn ngữ (tất nhiên ta biết bài học còn được tiếp theo với phần II- LUYỆN TẬP sử dụng thêm 5 dẫn liệu). Thực ra giữa hai dẫn liệu 1 và 2 của phần I bài học đã bộc lộ một sự đối lập đáng được đào sâu để giúp học sinh hiểu sâu hơn về vấn đề hoạt động giao tiếp ngôn ngữ: Dẫn liệu 1 cho ta thấy “*hoạt động giao tiếp*” và “*văn bản*” là song trùng/đồng sinh thành (chính đặc điểm nhị vị nhất thể của các nhân tố giao tiếp trong trường hợp này cho ta thấy “đặc trưng” của nó trong tính cách là một hoạt động giao tiếp của con người); Ngược lại, dẫn liệu 2 lại là dẫn chứng giao tiếp “*gián tiếp*”. Rất có thể đó chính là nguyên do của việc cụm từ “*thông qua văn bản đó*” đã được sử dụng liên tục trong các câu hỏi gợi ý tiếp cận dẫn liệu (việc dùng cố dùng cụm từ này khiến cho chẳng hạn diễn đạt ở câu hỏi a tỏ ra khá “*khúc mắc*” - *Thông qua văn bản đó, hoạt động giao tiếp diễn ra giữa các nhân vật giao tiếp nào?*). Nhân tiện ta cũng nên thấy rằng “*văn bản*” trong “*văn bản trên ghi lại*” ở dẫn liệu 1 là khác với “*văn bản*” trong “*thông qua văn bản*” ở dẫn liệu 2. Thấy được sự khác biệt đó ta sẽ hiểu vì sao mà với dẫn liệu 2 thì thấy đặt vấn đề e) *Phương tiện ngôn ngữ và cách tổ chức văn bản có đặc điểm gì nổi bật?* trong lúc với dẫn 1 thì lại không đặt vấn đề tương tự.

Điều đáng nói là dẫn liệu 2 cung cấp cho ta cơ hội diễn giải sâu rộng hơn về nhân tố “*nhân vật giao tiếp*”. Kết nối đồng thời cả hai câu hỏi a và b lại với nhau ta sẽ thấy đã xuất hiện thêm “*nhân vật giao tiếp*” thứ ba (trong hệ thống *tác giả biên soạn*-viết ~ *người dạy* và *người học*-đọc). Từ một giác độ nào đó mà nói, thầy cô sau khi soạn bài lên lớp chính là đang thực hiện vai trò môi giới giao tiếp giữa học sinh với “*văn bản*” bài học này. Kẻ môi giới này từng là “*ai đọc*” giao tiếp với tác giả sách khi soạn bài và rồi lại là “*đại diện*” cho tác giả giao tiếp với học sinh-người đọc bài SGK (trong tình huống nhất định thầy cô lại đặt mình cùng địa vị với học sinh – “*cùng học*” với họ). Nói chung dạy học với văn bản SGK trong trường học là cuộc “*giao tiếp*” đặc thù, đáng được chú ý như là một trường hợp độc lập của nghiên cứu hoạt động giao tiếp. Suy cho cùng sự khác biệt giữa dẫn liệu 1 và 2

¹² Chính là khi đọc thêm “*văn bản*” tờ 44b - quyển 5 (*Đại Việt Sử kí toàn thư - Bản kỉ*) dẫn trên ta mới thêm “*cơ sở*” để hiểu được GHI NHỚ cuối bài – “*Hoạt động giao tiếp là hoạt động trao đổi thông tin của con người trong xã hội, được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện ngôn ngữ (dạng nói hoặc dạng viết), nhằm thực hiện những mục đích về nhân thức, về tình cảm, về hành động...*”.

là sự khác biệt phương thức dụng ngữ (khẩu ngữ giao tế nói và văn bản khoa học viết¹³). Nhìn từ góc độ tương tác hai quá trình *tạo lập* và *lĩnh hội* văn bản có thể thấy ở dẫn liệu 2 có vấn đề tạm gọi là lượt lời nói đi mà không chờ “hồi đáp” tức khắc. Và sự tham gia “tự do” của người đọc bất kì đó sẽ mở rộng hoạt động giao tiếp này, nối dài các quá trình vào “vai” đối thoại bất tuyệt với “tác giả” văn bản. Đây cũng là một hình dung nên có khi tiếp cận dẫn liệu 3 “Đọc bài thơ BÁNH TRÔI NƯỚC”, dẫn liệu 5 “Bức thư Bác Hồ gửi học sinh nhân ngày khai giảng năm học đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa” (phần II của bài học).

Thực tế, hoạt động giao tiếp ngôn ngữ rất phong phú. Bài học này chỉ dẫn tạm hai dẫn liệu. Với hai dẫn liệu đó, người dạy-người học nên tiến lên khái quát được rằng hai dẫn liệu này chính là đang đề cập hai trường hợp/kiểu giao tiếp bằng ngôn ngữ - kiểu “giao tiếp ngôn ngữ sinh hoạt thông thường” trực tiếp (gặp nhau nói chuyện – đổi vai nói-nghe) và kiểu “giao tiếp ngôn ngữ” gián tiếp qua văn bản viết. Dĩ nhiên bài học này còn có phần tiếp theo (II-LUYỆN TẬP) chọn dẫn thêm giao tiếp văn bản văn chương và giao tiếp văn bản thư từ. Nhưng nhìn chung, các dẫn liệu trong bài được khai thác tiếp cận chủ yếu nhằm tới việc khái quát hóa một cấu trúc hoạt động giao tiếp ngôn ngữ nói chung gồm quá trình (tạo lập và lĩnh hội văn bản) với 4 nhân (thành) tố (nhân vật - vai giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp, nội dung giao tiếp, mục đích giao tiếp). Và như ta đã thấy, NBS không áp dụng đồng loạt cả bốn nhân tố cho mỗi dẫn liệu. Thực tế bài học cho thấy không phải dẫn liệu nào cũng đặt đủ bốn câu hỏi cho bốn nhân tố, và ngay với mỗi nhân tố việc đặt câu hỏi cũng được diễn đạt theo những “định hướng” khác nhau... Đó dường như không phải là kết quả của ý hướng “sinh động hóa” trình bày bài học mà thực tế do tính chất khác biệt của dẫn liệu dẫn đến. Có thể nói tính cách phổ quát cao độ của mô hình lý thuyết (hoạt giao tiếp bằng ngôn ngữ) khiến cho việc hệ thống hóa các dạng thức hoạt động giao tiếp ngôn từ đã gần như không được đặt ra. Nên thấy các dạng thức dụng ngữ đó cần được phân loại không chỉ bằng mỗi khái niệm phong cách ngôn ngữ (một trọng tâm của chương trình ngữ lớp 10), và một sự khái quát hóa lý luận hoạt động giao tiếp ngôn ngữ mà không để ý đến sự khác biệt đặc trưng giữa các dạng thức đó chắc sẽ không đặc dụng cho lắm đối với việc “nâng cao kĩ năng phân tích, lĩnh hội, tạo lập văn bản trong giao tiếp cho học sinh”.

3. Ba điểm *GHI NHỚ* cuối bài

Dù nhan đề bài học là HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ nhưng tới lúc kết bài ta thấy khung *GHI NHỚ* này dường như không còn muốn chỉ tập trung riêng vào mỗi *hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ* nữa. Như ta đọc thấy cả ba điểm ghi nhớ đều chỉ cùng dùng một cụm từ gọn hơn - “*hoạt động giao tiếp*”. Có vẻ như SGK muốn người dạy-người học tự hiểu lấy rằng *hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ* cũng là một loại trong

¹³ Đến dẫn liệu 3 phần II-LUYỆN TẬP dẫn bài thơ của Hồ Xuân Hương ta sẽ thấy thêm sự khác biệt phương thức dụng ngữ nữa. Nói chung chỉ trên cơ sở chú ý đầy đủ sự khác biệt dụng ngữ như thế thì mới tiếp cận thích đáng HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ.

hoạt động giao tiếp nói chung và trong những trường hợp nhất định nói đầy đủ “*giao tiếp bằng ngôn ngữ*” là thừa¹⁴. Ở *GHI NHỚ* thứ nhất do giới thuyết “*được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện ngôn ngữ*”) mà ta có thể hiểu NBS dùng cụm từ “hoạt động giao tiếp” như là một cách khái quát hóa. Sang *GHI NHỚ* thứ hai do việc nêu dùng các thuật ngữ *người nói, người viết* nên cụm từ “*hoạt động giao tiếp*” được dùng ở đây sẽ được hiểu là cách gọi gọn của “hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ” (cách gọi gọn này được dùng phổ biến trong suốt bài học). Và rồi tới *GHI NHỚ* thứ ba có vẻ như NBS đã quay lại với cách dùng cụm từ “hoạt động giao tiếp” hiểu theo nghĩa khái quát. Đi vào cụ thể ta thấy: Có thể chấp nhận cách cách miêu tả ở *GHI NHỚ* thứ hai như là một cách miêu tả khái quát hóa hoạt động giao tiếp ngôn ngữ nói chung. Nhưng cách miêu tả này sẽ tỏ ra bất cập đối với trường hợp giao tiếp ngôn ngữ sinh hoạt nói năng thường nhật (dẫn liệu 1 mục I bài học hay dẫn liệu 2 mục II - LUYỆN TẬP). Trong hội thoại, các nhân vật giao tiếp cùng-tạo-lập nên một văn bản trong một quá trình tích hợp tương tác nói-nghe vào một chỗ. Như thực tế vốn có, văn bản đó là của chung, dệt lên từ những “chào hỏi” “hàn huyên” “buôn chuyện” hay “lời qua tiếng lại” của các nhân vật giao tiếp. Một khi đã thấy được như vậy thì cũng nên lưu ý cách nói “Mỗi hoạt động giao tiếp”. Lấy ví dụ việc viết thư: một lá thư viết xong gửi đi còn phải chờ nhận thư phúc đáp. Phải chăng cho tới khi có thư trả lời thì ta mới tách xuất thành “mỗi hoạt động giao tiếp”?

4. Quay lại với *KẾT QUẢ CẦN ĐẠT* đầu bài

Sau khi đã tìm hiểu một lượt bài học, ta hãy quay lại với phần *KẾT QUẢ CẦN ĐẠT* đầu bài. Căn cứ vào tinh thần chung của bài học, ta thấy GIAO TIẾP (BẰNG NGÔN NGỮ) là một hoạt động, hoạt động đó tạo ra “sản phẩm” được gọi là *văn bản*. Một trong những *kết quả cần đạt* sau khi học bài này là nâng cao kỹ năng phân tích, lĩnh hội, tạo lập “văn bản trong giao tiếp” cho học sinh.¹⁵ Thoạt đọc ta thấy cũng rất ổn, nhưng cất nghĩa cho thông “*KẾT QUẢ CẦN ĐẠT*” này là không dễ. Dù gì thì cũng phải tách biệt trong nhận thức hai trường hợp:

+ “*Văn bản trong giao tiếp*” đó là *văn bản của* những người khác (*Vua nhà Trần* và *các bộ lão; em nhỏ A Cổ* và *ông già*) đã/đang “*tạo lập*”... Trong trường hợp này ta có thể đề cập đến sự thể “*phân tích-lĩnh hội*” văn bản từ vị trí “*bàng thính*”?

+ Nhưng thực tế là khó mà có cơ duyên bàng thính tại chỗ cái quá trình giao tiếp hỏi đáp nói lời gió bay, nhất khừ bất phục phản đó nên chỉ đợi đến có hoàn cảnh giao tiếp (bằng ngôn ngữ) của chính mình thì mới nói tới được chuyện “*nâng cao kỹ năng phân tích, lĩnh hội, tạo lập văn bản*” (thế mới sinh ra phân môn *Làm văn cung cấp “thao trường”* tập luyện

¹⁴ Có thể nói sống đời sống nhân sinh bản thân nó về cơ bản chính là giao tế ngôn ngữ. Trên thực tế, “giao tiếp” chủ yếu là “giao tiếp ngôn ngữ” và “giao tiếp” ấy chính là “hoạt động”. Nói cách khác “hoạt động giao tiếp” về cơ bản có thể hiểu thành “hoạt động ngôn ngữ” và cũng có thể nói đó là “giao tiếp ngôn ngữ”. Đó có thể là lí do khiến cho không ít người cảm thấy nham đề bài học HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ có một vẻ nặng nề không cần thiết.

¹⁵ Có chấp nhận một cách cách hiểu khác - cho rằng “trong giao tiếp” là trạng ngữ chung của cả câu chứ không phải là định ngữ riêng cho từ “văn bản”? Có vẻ như cách hiểu này là không phù hợp với tinh thần bài học này.

“tạo lập văn bản” nói chung). Suy tính đến tình hình trên tức cũng là để chuẩn bị đối phó với câu hỏi chuỗi kĩ năng *phân tích, lĩnh hội, tạo lập văn bản trong giao tiếp* là thực hiện độc lập hay thực hiện hòa kết đồng thời?

Nói chung, ta phải thấy rõ rằng ở đây tuy gộp nói vào một chỗ - “phân tích, lĩnh hội, tạo lập văn bản” nhưng thực tế giao tiếp ngôn ngữ tự nó tách rời khá rõ các trường hợp khác nhau. Có trường hợp văn bản trong giao tiếp hòa kết, chiếu ứng cả “phân tích, lĩnh hội, tạo lập”; Có trường hợp về cơ bản và trước hết chỉ là “tạo lập” đã. Hiểu như thế chắc mới đúng chân tinh thần của cụm từ “văn bản trong giao tiếp” nhắc đến trong phần GHI NHỚ của bài học *HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ* này.

5. Vài lời kết thúc

Toàn bộ những dẫn giải trên đây sẽ đẩy chúng ta đến với vấn đề dụng ngữ nguyên sinh và dụng ngữ thứ sinh, đối lập nói và viết, đối lập hành dụng ngôn ngữ như là công cụ và như là chất liệu, thống nhất cách hiểu rõ ràng nhất quán khái niệm “văn bản”. Chỉ trên nền tảng nhận thức đó ta mới có thể tiếp cận và nêu vấn đề *HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP NGÔN NGỮ* một cách thích đáng hơn. Tiếp cận một cách thích đáng hơn đối tượng thực tồn giúp tránh được việc phải soạn những bài học gây cảm giác cho rằng NBS đang cố dẫn giải các dẫn chứng thực liệu vì một “lí thuyết tiên thiên” nào đó. Việc tiếp cận thích đáng vừa nói cũng sẽ giúp tránh được những gượng gạo trong việc đặt các câu hỏi diễn giải dẫn liệu phục vụ bài học cụ thể¹⁶.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2012). *Ngữ văn 10 Tập 1*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Lê Thời Tân. (2014). Xử lí văn bản “Hai cây phong” của *Ngữ văn 8* và vài cố gắng đọc-hiểu tự sự học đối bài này”. *Kí yếu Hội thảo khoa học Dạy học Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông*. TP Hồ Chí Minh: NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.
- Lê Thời Tân. (2016). Về cách đặt vấn đề “văn bản nhật dụng” trong chương trình dạy học Ngữ văn trung học cơ sở. *Đổi mới nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường sư phạm - Kí yếu Hội thảo khoa học toàn quốc*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Lê Văn Hưu, Phan Phú Tiên, Ngô Sĩ Liên. (1993). *Đại Việt Sử kí toàn thư*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- John Lyons. (2006/10/29). *Ngữ nghĩa học dẫn luận*. Nguyễn Văn Hiệp dịch. Khai thác từ <http://ngonngu.net/index.php?p=131>
- Lê Thời Tân, Nguyễn Đức Can. (2016). Xung quanh việc đặt vấn đề “văn bản nhật dụng” và phần Tri thức đọc - hiểu văn nhật dụng trong *Ngữ văn 12*. *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*. Đại học Quốc gia Hà Nội, 32 (1), 25-32.

¹⁶ Tương tự như việc cuộc sống vốn có việc đi lại – có việc ngồi xe bus, tàu điện ở đô thị mà cũng có đi bộ ngang qua cánh đồng cách xa tỉnh lộ hay men theo đường nối hai “cụm dân cư” nào đó. Đơn giản đó là đang đi lại như một phần của hoạt động cuộc sống tự nhiên vốn thế chứ đâu phải cứ nhất thiết “diễn đạt” thành “người và phương tiện tham gia giao thông”!